

VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ TRONG QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT THEO ĐỊNH HƯỚNG KINH TẾ TUẦN HOÀN TẠI VIỆT NAM: THÁCH THỨC VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH

BÙI PHƯƠNG THÚY^{1*}, NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH², HÀ MẠNH HOAN³

¹Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

²Trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

³Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Tóm tắt

Bài viết phân tích vai trò của phụ nữ trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSR) trong bối cảnh Việt Nam chuyển đổi sang kinh tế tuần hoàn (KTTH), qua đó nhấn mạnh sự cần thiết của lồng ghép giới. Nghiên cứu dựa trên tổng quan tài liệu và phân tích định tính. Kết quả cho thấy, phụ nữ giữ vai trò then chốt trong phân loại, thu gom và tái chế phi chính thức, nhưng đóng góp này chưa được phản ánh đầy đủ trong chính sách. Bài viết đề xuất mô hình quản lý CTRSH theo hướng KTTH lồng ghép giới với 5 trụ cột: Lồng ghép giới trong chuỗi giá trị chất thải; trao quyền và nâng cao năng lực; tích hợp khu vực phi chính thức kèm giám sát giới; hỗ trợ tài chính - kỹ thuật và thúc đẩy thay đổi nhận thức.

Từ khóa: Bình đẳng giới, khu vực phi chính thức, kinh tế tuần hoàn, phụ nữ, quản lý chất thải rắn sinh hoạt.

Ngày nhận bài: 5/10/2025; **Ngày sửa chữa:** 7/11/2025; **Ngày duyệt đăng:** 20/11/2025.

The role of women in domestic solid waste management in the direction of circular economy in Vietnam: Challenges and policy directions

Abstract

This article analyses the role of women in municipal solid waste management (MSWM) in the context of Vietnam's transition toward a circular economy (CE), emphasising the need for gender mainstreaming. The study draws on a literature review combined with qualitative content analysis. Findings indicate that women play a central role in household-level sorting, collection, and informal recycling; however, these contributions are insufficiently reflected in current policies. Based on this insight, the paper proposes a gender-responsive, CE-oriented MSWM model comprising five pillars: mainstreaming gender across the waste value chain, empowering and building women's capacities, integrating the informal sector with gender-sensitive monitoring, providing financial and technical support alongside innovation incentives, and promoting awareness-raising linked to inclusive policy development.

Keywords: Circular economy, gender equality, informal sector, municipal solid waste management, women.

JEL Classifications: O13, O44, P18, P48.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lượng CTRSH tại Việt Nam tăng nhanh, gần 56.000 tấn/ngày và hơn 60% vẫn được xử lý bằng chôn lấp (Báo cáo Môi trường quốc gia, 2024), gây thất thoát tài nguyên và áp lực môi trường. Chuyển đổi sang kinh tế tuần hoàn (KTTH) vì vậy trở thành yêu cầu cấp bách, trong đó quản lý CTRSH là khâu then chốt để tăng tái chế và giảm chôn lấp.

Tuy nhiên, hiệu quả KTTH không chỉ phụ thuộc vào công nghệ mà còn chịu tác động từ tổ chức xã hội và phân công lao động theo giới. Phụ nữ - đặc biệt trong khu vực phi chính thức và ở cấp hộ gia đình đảm nhiệm phần lớn công việc phân loại, thu gom và tái chế sơ cấp, quyết định trực tiếp chất lượng dòng vật liệu tái

chế. Nếu các chương trình KTTH bỏ qua chiều cạnh giới, hiệu quả thu hồi tài nguyên và tính bao trùm của quá trình chuyển đổi sẽ bị suy giảm.

Trong khi đó, đóng góp của phụ nữ vẫn chưa được phản ánh đầy đủ trong chính sách; nghiên cứu trong nước chủ yếu thiên về kỹ thuật xử lý, thiếu các phân tích hệ thống về vai trò và rào cản giới trong chuỗi giá trị CTRSH. Từ khoảng trống này, bài viết: (i) Phân tích vai trò của phụ nữ trong quản lý CTRSH; (ii) nhận diện rào cản chính; (iii) đề xuất mô hình quản lý CTRSH lồng ghép giới theo hướng KTTH. Đóng góp chính là xây dựng khung tiếp cận KTTH - giới và mô hình 5 trụ cột có giá trị tham chiếu cho chính sách.



2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Tổng quan nghiên cứu và khoảng trống khoa học

Trong thập niên gần đây, các nghiên cứu quốc tế về CTRSH và KTTH tập trung vào tối ưu hóa dòng vật liệu, giảm phát thải và vai trò cộng đồng trong phân loại - tái chế. Một hướng nghiên cứu quan trọng là phân tích khu vực lao động phi chính thức, đặc biệt phụ nữ - lực lượng duy trì phần lớn chuỗi tái chế tại các quốc gia đang phát triển (Wilson et al., 2006; Barford & Ahmad, 2021).

Tại Việt Nam, nghiên cứu chủ yếu xoay quanh công nghệ xử lý, mô hình phân loại và hoàn thiện chính sách KTTH, trong khi chiều cạnh xã hội - giới còn ít được quan tâm. Khoảng trống lớn nhất là thiếu các mô hình quản lý CTRSH theo KTTH có lồng ghép giới, cũng như phân tích về vai trò, nhu cầu và rào cản của phụ nữ trong khu vực phi chính thức. Đây đồng thời là đóng góp mới của nghiên cứu.

2.2. Cơ sở lý luận và khung phân tích

2.2.1. Khái niệm và căn cứ pháp lý về CTRSH

Luật BVMT năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định CTRSH, các hoạt động tái sử dụng - tái chế - sơ chế và định hướng chuyển từ mô hình tuyến tính sang tuần hoàn. Tuy vậy, phân loại tại nguồn còn hạn chế và phụ thuộc lớn vào khu vực phi chính thức - nơi phụ nữ chiếm tỷ lệ cao nhưng chưa được công nhận hoặc hỗ trợ đầy đủ.

2.2.2. Khung lý luận về KTTH trong quản lý CTRSH

Theo Điều 142 Luật BVMT năm 2020 và lý thuyết KTTH, quản lý CTRSH dựa trên 3 nguyên tắc: (i) Thiết kế để tái sử dụng - tái chế; (ii) Đa dạng hệ thống nhằm tăng khả năng chống chịu; (iii) Tối ưu hóa thu hồi tài nguyên. Khung này được sử dụng để phân tích dòng vật liệu, mức độ “giữ lại giá trị” và vai trò cộng đồng trong phân loại - thu gom - tái chế.

2.2.3. Cơ sở lý luận về giới và lao động phi chính thức

Lý thuyết giới và phát triển cho thấy phụ nữ thường đối mặt với rào cản về tiếp cận nguồn lực, đại diện và gánh nặng lao động không lương. Trong chuỗi CTRSH, họ đảm nhiệm phần lớn các khâu phân loại - thu gom - tái chế nhưng đóng góp vẫn bị “vô hình hóa” do thiếu công nhận thể chế và điều kiện lao động bấp bênh (Barford & Ahmad, 2021).

Từ đó, nghiên cứu sử dụng khung phân tích hai chiều: (1) KTTH: Dòng vật liệu - giữ lại giá trị - tối ưu hóa tái chế; (2) Giới: Vai trò - rào cản - tiếp cận nguồn lực và bảo trợ.

Khung KTTH - giới cho phép đánh giá đồng thời hiệu quả thu hồi tài nguyên và mức độ bao trùm xã hội, tạo nền tảng lý thuyết xuyên suốt cho phân tích chuỗi giá trị CTRSH trong bài viết.

2.3. Kinh nghiệm quốc tế làm cơ sở tham chiếu

Nhiều quốc gia đã lồng ghép giới trong quản lý CTRSH và KTTH thông qua các mô hình gắn cộng đồng: Mô hình “Ngân hàng Rác” và hợp tác xã tái chế do phụ nữ quản lý (Indônêxia), mô hình Eco-Town tích hợp lao động thu gom vào hệ thống chính thức (Nhật Bản), hay các hợp tác xã tái chế được công nhận pháp lý tại Trung Quốc (De Bercegol et al., 2017).

Các kinh nghiệm này cho thấy 3 bài học chung: (i) Công nhận phụ nữ trong khu vực phi chính thức như một cấu phần của hệ thống KTTH; (ii) thúc đẩy tổ/nhóm và hợp tác xã tái chế để nâng cao sinh kế; (iii) lồng ghép giới trong thiết kế và giám sát chính sách CTRSH.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính, kết hợp tổng quan tài liệu và quan sát thực tế có mục tiêu nhằm nhận diện vai trò và rào cản giới trong chuỗi giá trị CTRSH.

Quan sát thực tế được tiến hành tại 3 nhóm bối cảnh: (i) Phường/xã thí điểm phân loại tại nguồn; (ii) điểm thu gom và cơ sở tái chế nhỏ lẻ thuộc khu vực phi chính thức; (iii) các hoạt động cộng đồng do Hội Liên hiệp phụ nữ tổ chức. Đối tượng quan sát gồm phụ nữ phân loại rác hộ gia đình, lao động thu gom - ve chai và chủ điểm tập kết. Ghi nhận được thực hiện qua nhật ký quan sát và ghi chú hoạt động, nhằm bổ sung bằng chứng thực tiễn và đối chiếu với khung phân tích.

Tài liệu thứ cấp gồm bài báo khoa học, báo cáo quốc tế (UNDP, UN Women, World Bank), văn bản pháp luật và dữ liệu thống kê 2015 - 2025. Tài liệu được chọn theo 4 tiêu chí: Tính cập nhật, minh bạch phương pháp, mức độ liên quan tới giới/phi chính thức/KTTH và khả năng đại diện cho bối cảnh Việt Nam hoặc các trường hợp tương đồng.

Phân tích nội dung được triển khai qua mã hóa mở - mã hóa trực - khái quát hóa, đối chiếu với khung KTTH (giữ lại giá trị, tối ưu hóa tái chế) và lý thuyết giới (vai trò, quyền năng, tiếp cận nguồn lực). 3 biến phân tích chính vai trò của phụ nữ, khả năng tiếp cận nguồn lực và rào cản thể chế được lựa chọn để phản ánh đồng thời hiệu quả tuần hoàn và mức độ bao trùm xã hội.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy 3 phát hiện chính: (i) Tồn tại khoảng trống giới rõ rệt trong quản lý CTRSH, đặc biệt tại khu vực phi chính thức; (ii) Phụ nữ giữ vai trò trung tâm trong phân loại - thu gom - tái chế nhưng chưa được thể chế hóa; (iii) Các chính sách KTTH hiện nay vẫn thiên về kỹ thuật, thiếu lồng ghép giới.

Những phát hiện này vừa phù hợp với các nghiên cứu quốc tế (Wilson et al., 2006; Barford & Ahmad, 2021), vừa phản ánh đặc thù Việt Nam - nơi hệ sinh thái tái chế phụ thuộc lớn vào lao động nữ nhưng thiếu



Hội Phụ nữ TP. Hạ Long (Quảng Ninh) ra mắt mô hình điểm Chi hội phụ nữ “Xây dựng Gia đình 5 có, 3 sạch”

khung bảo trợ tương ứng. Phần thảo luận tiếp theo phân tích kết quả theo hai trục của khung KTTH - giới: Hiệu quả tuần hoàn và mức độ bao trùm xã hội.

3.1. Hiện trạng và khoảng trống giới trong quản lý CTRSH tại Việt Nam

Việt Nam đã ban hành Luật BVMT năm 2020 và Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh 2021 - 2030, hướng tới mô hình KTTH, với mục tiêu đến năm 2030 thu gom, xử lý 95% CTRSH đô thị và giảm tỷ lệ chôn lấp xuống dưới 10%. Tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, các mô hình phân loại tại nguồn, đốt rác phát điện và tái chế bao bì đã được thí điểm, góp phần giảm tải cho bãi chôn lấp. Khảo sát năm 2021 cho thấy, 65% hộ dân TP. Hồ Chí Minh tham gia phân loại rác (Sở KH&CN TP. Hồ Chí Minh, 2023).

Tuy vậy, khu vực phi chính thức gồm người nhặt rác, đồng nát, đại lý thu gom và làng nghề tái chế vẫn đóng vai trò chính trong thu hồi vật liệu, duy trì một “hệ sinh thái tuần hoàn sơ khai” nhưng chưa được bảo hộ pháp lý. Phụ nữ chiếm tỷ lệ lớn trong các hoạt động phân loại, thu gom và tái chế quy mô nhỏ, song ít được tiếp cận bảo hiểm xã hội, đào tạo nghề, tín dụng và cơ chế tham gia các mô hình chính thức.

Hệ thống phân loại tại nguồn còn thiếu đồng bộ, chất lượng dòng nguyên liệu tái chế thấp do rác lẫn tạp chất. Nguyên nhân chính gồm: Thói quen phân loại chưa bền vững, tuyên truyền gián đoạn, chưa thực thi nghiêm Nghị định số 45/2022/NĐ-CP và thiếu giám sát ở cấp cơ sở. Những hạn chế này ảnh hưởng trực tiếp đến sinh kế và mức độ tham gia của lao động phi chính thức - đặc biệt phụ nữ.

Nhìn chung, dù khung thể chế KTTH đã được thiết lập, khoảng trống lớn vẫn nằm ở việc lồng ghép giới và hỗ trợ lao động phi chính thức. Đây là điều kiện quyết định để chuyển đổi KTTH tại Việt Nam mang tính bền vững, hiệu quả và bao trùm.

3.2. Vai trò của khu vực phi chính thức trong hệ sinh thái KTTH

Khu vực phi chính thức gồm người thu gom tự phát, đại lý nhỏ lẻ và làng nghề tái chế giữ vai trò nền tảng trong duy trì “hệ sinh thái tuần hoàn sơ khai” của CTRSH tại Việt Nam. Thông qua thu gom, phân loại và tái chế, lực lượng này tiết kiệm tài nguyên, giảm tải hệ

thống chính thức và hạn chế rác chôn lấp, dù đóng góp hiếm khi được ghi nhận trong chính sách.

Nghiên cứu quốc tế cho thấy, khu vực phi chính thức là thành phần không thể thiếu trong quản lý CTRSH tại các đô thị châu Á (De Bercegol et al., 2017). Tại Hà Nội, hàng vạn lao động “đồng nát” và hàng trăm điểm tập kết xử lý khoảng 20% rác đô thị nhưng vẫn hoạt động ngoài hệ thống quản lý. Ở Delhi, việc ưu tiên công nghệ đốt rác gây xung đột với 50.000 - 150.000 người nhặt rác thu gom hơn 2.000 tấn vật liệu mỗi ngày. Ngược lại, Surabaya (Indônêxia) kết nối khu vực chính thức và phi chính thức qua mô hình “Ngân hàng Rác” do hội phụ nữ quản lý, vừa giảm tải bãi chôn lấp vừa tạo sinh kế bền vững.

Dù thường bị xem là lạc hậu, khu vực tái chế phi chính thức tạo lợi ích kinh tế, môi trường đáng kể, nhất là trong chuỗi cung ứng nhựa tái chế ở các quốc gia thu nhập thấp, trung bình (Wilson et al., 2006; Barford & Ahmad, 2021). Tuy nhiên, lao động đặc biệt phụ nữ làm việc trong điều kiện bấp bênh, thiếu bảo hộ, bảo hiểm và chịu nhiều định kiến xã hội.

Tại Việt Nam, dù Luật BVMT năm 2020 đã quy định phân loại, lưu giữ và thu gom CTRSH, vai trò khu vực phi chính thức vẫn chưa được lồng ghép đầy đủ. Để phát triển KTTH, cần đồng thời nâng cấp hạ tầng, công nghệ và thiết lập cơ chế bảo vệ, trao quyền cho lực lượng này, coi họ là đối tác của chuỗi tuần hoàn, thay vì nhóm “ngoài rìa” của hệ thống quản lý.

3.3. Vai trò và sự tham gia của phụ nữ trong chuỗi giá trị CTRSH

Phụ nữ giữ vai trò then chốt trong chuỗi giá trị CTRSH, đặc biệt ở các khâu phân loại tại nguồn, thu gom và tái chế sơ cấp, những mắt xích quyết định lượng rác chôn lấp và mức độ giữ lại giá trị tài nguyên (Wilson et al., 2006; Barford & Ahmad, 2021). Tuy nhiên, phần lớn họ hoạt động trong khu vực phi chính thức, thiếu hợp đồng, an sinh, công nghệ và hỗ trợ tài chính, dẫn tới rủi ro cao về sức khỏe và sinh kế.



Nhiều địa phương đã hình thành các tổ/nhóm hoặc hợp tác xã thu gom do phụ nữ làm nòng cốt, góp phần nâng cao hiệu quả phân loại, thu gom và tăng thu nhập. Các mô hình phân loại tại nguồn và xử lý rác hữu cơ cho thấy khi được cung cấp công cụ và đào tạo phù hợp, phụ nữ trở thành lực lượng chủ đạo trong phục hồi vật liệu và thúc đẩy KTTH (Phạm et al., 2022).

Từ góc độ KTTH, cộng đồng giữ vai trò quan trọng trong duy trì giá trị vật liệu (Eisenriegler, 2020); trong đó phụ nữ là cầu nối giữa chính sách và thực tiễn hộ gia đình, giúp chuyển hóa nhận thức thành hành vi nền tảng để phát triển KTTH có lồng ghép giới.

3.3.1. Vai trò trong tuyên truyền và phân loại tại nguồn

Là người trực tiếp quản lý sinh hoạt gia đình, phụ nữ giữ vai trò chủ đạo trong thay đổi hành vi tiêu dùng, giảm phát sinh và phân loại rác. Thông qua Hội liên hiệp phụ nữ và các nhóm cộng đồng, họ triển khai hoạt động truyền thông mềm dẻo; các phong trào như “3 sạch” giúp tăng đáng kể tỷ lệ hộ phân loại rác.

Trong thực hành, phụ nữ đảm nhiệm phần lớn hoạt động phân loại hữu cơ - vô cơ - tái chế, hiện thực hóa nguyên tắc “giữ lại giá trị lâu nhất trong chu trình” (Wilson et al., 2006). Các mô hình xử lý rác hữu cơ bằng men vi sinh cho thấy họ vừa là người thực hành vừa lan tỏa kinh nghiệm (Sở KH&CN TP. Hồ Chí Minh, 2023). Khi được hỗ trợ công cụ và kỹ năng sinh kế xanh, phụ nữ nâng cao chất lượng phân loại, tăng hiệu quả tái chế và giảm chi phí xử lý (Eisenriegler, 2020).

3.3.2. Thu gom và vận chuyển

Phụ nữ tham gia đáng kể trong thu gom và vận chuyển cả ở khu vực chính thức và phi chính thức. Trong khu vực chính thức, họ làm việc nặng nhọc, tiếp xúc liên tục với rác nhưng thiếu bảo hộ. Trong khu vực phi chính thức, phụ nữ đóng vai trò trung gian kết nối hộ gia đình với điểm tập kết - tái chế, tạo sinh kế quan trọng cho nhóm nghèo và nhập cư.

Từ góc độ KTTH, lực lượng này thu hồi lượng lớn vật liệu có giá trị, ngăn chúng bị chôn lấp. Do đó, chính sách cần coi lao động nữ phi chính thức là nhóm ưu tiên, tập trung vào cải thiện điều kiện lao động và tổ chức theo tổ/nhóm hoặc hợp tác xã.

3.3.3. Tái chế sơ cấp và xử lý thủ công

Phụ nữ tham gia nhiều công đoạn tái chế thủ công như phân loại, rửa, cắt và sơ chế nhựa, giấy, kim loại. Các hoạt động này góp phần giảm rác chôn lấp, nhưng diễn ra trong điều kiện thiếu an toàn và thu nhập bấp bênh (Wilson et al., 2006; Barford & Ahmad, 2021).

Nghiên cứu về chuỗi giá trị nhựa cho thấy tái chế thủ công quy mô nhỏ vẫn chiếm tỷ trọng lớn ở Việt Nam. Hỗ trợ phụ nữ thông qua đào tạo kỹ năng, tài chính vi mô, mô hình tổ/nhóm hoặc hợp tác xã và trang bị bảo hộ có thể biến họ thành lực lượng nòng

cốt của chuỗi tái chế tuần hoàn, đồng thời mở rộng sinh kế bền vững (Lê, 2024; Nguyễn et al., 2022).

Nhìn chung, đóng góp của phụ nữ trong khu vực phi chính thức vẫn bị “vô hình hóa” trong dữ liệu và chính sách, làm giảm hiệu quả KTTH và cần được công nhận đầy đủ hơn.

3.4. Rào cản giới trong quản lý CTRSH theo hướng KTTH

Mặc dù phụ nữ tham gia sâu vào các khâu phân loại, thu gom và tái chế sơ cấp, hệ thống quản lý CTRSH hiện nay vẫn tồn tại nhiều rào cản khiến đóng góp của họ không được chuyển hóa thành hiệu quả KTTH một cách tương xứng. Các rào cản này không chỉ tạo bất bình đẳng, mà còn làm suy giảm trực tiếp khả năng “giữ lại giá trị” của vật liệu - mục tiêu trung tâm của KTTH.

Thứ nhất, rào cản thể chế thể hiện qua việc phụ nữ hầu như không được tham gia vào các quá trình ra quyết định và xây dựng chính sách môi trường. Các chương trình phân loại tại nguồn và tái chế phần lớn vẫn mang tính “mù giới”, thiếu chỉ số giám sát nhạy cảm giới và chưa thiết kế cơ chế phù hợp cho nhóm lao động nữ trong khu vực phi chính thức. Khi chính sách không xem phụ nữ là chủ thể của hệ thống tuần hoàn, chất lượng phân loại vốn phụ thuộc vào kiến thức và năng lực của người thực hiện trở nên thiếu ổn định, kéo theo giảm tỷ lệ tái chế và tăng chi phí xử lý ở giai đoạn sau.

Thứ hai, rào cản xã hội như định kiến giới, gánh nặng việc nhà và sự coi nhẹ lao động thu gom - tái chế khiến phụ nữ khó tiếp cận đào tạo hoặc tham gia tổ nhóm chính thức. Việc thiếu tổ chức làm giảm tính liên kết trong chuỗi thu gom, dẫn tới thất thoát vật liệu và duy trì một cấu trúc phân tán, manh mún, vốn được xem là điểm nghẽn đặc thù cản trở vận hành KTTH ở các đô thị đang phát triển.

Thứ ba, rào cản kinh tế - kỹ thuật bao gồm hạn chế tiếp cận tín dụng, công cụ phân loại, thiết bị bảo hộ và công nghệ tái chế phù hợp. Điều này khiến phụ nữ phải hoạt động ở quy mô nhỏ, năng suất thấp, phụ thuộc vào đầu mối thu mua và không thể tham gia vào các mô hình tuần hoàn có giá trị gia tăng cao hơn. Kết quả là chuỗi tái chế sơ cấp không thể nâng cấp hoặc tích hợp vào hệ thống chính thức, làm giảm tổng hiệu suất thu hồi vật liệu.

Tổng hợp 3 nhóm rào cản trên cho thấy mối quan hệ nhân-quả rõ rệt giữa bất bình đẳng giới và hiệu quả KTTH: Khi phụ nữ - lực lượng đảm nhiệm phần lớn phân loại và tái chế sơ cấp không được trao quyền và hỗ trợ, chất lượng dòng vật liệu đầu vào suy giảm, tỷ lệ tái chế thấp và hệ thống phụ thuộc hơn vào chôn lấp. Vì vậy, rào cản giới cần được xem như những “điểm nghẽn cấu trúc” mà KTTH không thể vượt qua nếu không được xử lý thấu đáo.



Hội Phụ nữ xã An Nông (An Giang) tổ chức lễ ra mắt Mô hình “Phân loại rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình”

Những phân tích này cho thấy việc tháo gỡ rào cản giới là điều kiện tiên đề để tối ưu hóa hiệu quả tuần hoàn. Các biểu hiện cụ thể của sự “vô hình hóa” và hệ quả của chúng đối với thực tiễn quản lý CTRSH sẽ được trình bày trong mục tiếp theo.

3.5. Đóng góp nhưng chưa được ghi nhận trong chính sách

Mặc dù giữ vai trò then chốt trong các khâu phân loại, thu gom và tái chế sơ cấp, phụ nữ vẫn bị đặt bên lề trong hệ thống quản lý CTRSH hiện hành. Sự “vô hình hóa” này bắt nguồn từ thiếu chỉ số giới trong thống kê, giám sát và đánh giá chương trình, khiến các đóng góp thiết thực của phụ nữ không được phản ánh trong hoạch định chính sách. Hệ quả là họ ít có cơ hội tiếp cận đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, sinh kế xanh hoặc các chương trình nâng cấp chuỗi tái chế, những yếu tố trực tiếp quyết định chất lượng dòng vật liệu đầu vào cho KTTH.

Trong khu vực phi chính thức, phụ nữ đảm nhiệm tỷ lệ lớn hoạt động thu gom và tái chế, nhưng phải làm việc trong điều kiện bấp bênh, thiếu an toàn và không có bảo hộ pháp lý. Nghịch lý ở đây là những lao động gánh phần lớn hoạt động “tạo giá trị tuần hoàn ban đầu” lại không được tham gia các cơ chế chính thức về EPR, tín dụng xanh hay tổ nhóm nghề nghiệp. Sự lệch pha này phản ánh một lỗ hổng thể chế, cho thấy hệ thống KTTH hiện tại đang thụ hưởng lao động của phụ nữ nhưng không đầu tư tương xứng để củng cố năng lực của họ.

Việc thiếu ghi nhận và lồng ghép giới không chỉ dẫn đến bất bình đẳng mà còn làm giảm hiệu quả thu hồi tài nguyên của toàn bộ hệ thống. Khi phụ nữ - lực lượng đảm nhiệm phần lớn phân loại và tái chế sơ cấp không được tiếp cận hỗ trợ và trang thiết bị phù hợp, tỷ lệ tạp chất trong rác tái chế tăng, vật liệu thất thoát nhiều hơn, chi phí xử lý tăng và mục tiêu “giữ lại giá trị” của KTTH bị suy giảm. Thực tế tại các đô thị cho thấy nếu không có lao động thu gom, phân loại phi chính thức (đa số là phụ nữ), tỷ lệ rác chôn lấp có thể tăng gấp đôi.

Do đó, việc chính thức hóa lực lượng thu gom, tái chế phi chính thức và tích hợp các chỉ số giới vào quản lý CTRSH không chỉ là yêu cầu về công bằng, mà còn là điều kiện cốt lõi để nâng cao hiệu suất tuần hoàn, giảm chi phí xã hội và bảo đảm quá trình chuyển đổi sang KTTH diễn ra bền vững và bao trùm.

3.6. So sánh với bối cảnh quốc tế

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy nhiều quốc gia như Ấn Độ, Indônêxia có bối cảnh tương đồng với Việt Nam: Phụ thuộc lớn vào lao động thu gom, tái chế phi chính thức, trong đó phụ nữ là lực lượng nòng cốt. Tuy nhiên, một số quốc gia đã tiến xa hơn nhờ sớm công nhận vai trò của nhóm lao động này và tích hợp họ vào hệ thống KTTH thông qua cơ chế pháp lý, tài chính và tổ chức phù hợp.

Ba trường hợp điển hình phản ánh những hướng tiếp cận khác nhau nhưng có điểm chung về tính bao trùm:

(i) Ở Delhi (Ấn Độ), việc ưu tiên công nghệ đốt rác cho thấy thiếu lồng ghép giới có thể gây xung đột và làm suy yếu chuỗi tái chế cộng đồng.

(ii) Surabaya (Indônêxia) thành công với mô hình “Ngân hàng Rác” do phụ nữ quản lý, chứng minh rằng trao quyền cho phụ nữ và tổ chức cộng đồng có thể tạo ra hệ thống thu gom - phân loại hiệu quả, giảm tải bãi chôn lấp và nâng cao sinh kế.

(iii) Hà Nội (Việt Nam) có mạng lưới “đồng nát” với tiềm năng lớn nhưng thiếu liên kết với hệ thống chính thức.

Điểm khiến các kinh nghiệm quốc tế này đặc biệt phù hợp với Việt Nam là sự tương đồng về cấu trúc lực lượng lao động: Phụ nữ chiếm tỷ lệ cao trong phân loại - tái chế sơ cấp và khu vực phi chính thức đang thực hiện phần lớn chức năng tuần hoàn của đô thị. Những quốc gia thành công đều xem đây là nguồn lực chiến lược, từ đó xây dựng các mô hình chính thức hóa mềm, hợp tác xã tái chế và cơ chế tài chính vi mô dành cho phụ nữ.

Để áp dụng hiệu quả tại Việt Nam, cần 3 điều kiện then chốt: (i) Năng lực tổ chức cộng đồng, đặc biệt các hội phụ nữ cơ sở; (ii) khung pháp lý mở để tích hợp khu vực phi chính thức mà không làm mất tính linh hoạt; (iii) cơ chế tài chính phù hợp như tín dụng vi mô, hỗ trợ công nghệ và chia sẻ lợi ích từ EPR.

Tổng hợp kinh nghiệm quốc tế cho thấy, yếu tố giới và tính bao trùm xã hội là điều kiện tiên quyết để KTTH vận hành hiệu quả. Điều này gợi ý rằng các



mô hình thuần kỹ thuật dù phù hợp ở quốc gia có hệ thống quản trị mạnh có thể không khả thi tại Việt Nam nếu thiếu cơ chế lồng ghép giới và chính thức hóa mềm.

3.7. Hàm ý chính sách và mô hình quản lý CTRSH lồng ghép giới

3.7.1. Hàm ý chính sách chính cho Việt Nam

Dựa trên các kết quả tại mục 3.4 - 3.6, quá trình chuyển đổi sang KTTH ở Việt Nam chỉ bền vững khi các rào cản giới và sự “vô hình hóa” khu vực phi chính thức được xử lý một cách có hệ thống. Các hàm ý chính sách dưới đây được đề xuất theo logic KTTH - giới, nhằm đồng thời cải thiện hiệu quả tuần hoàn và tăng mức độ bao trùm xã hội.

(1) Hoàn thiện thể chế và lồng ghép giới trong quản lý CTRSH.

Cần tích hợp mục tiêu và chỉ số giới trong toàn bộ quy trình xây dựng - triển khai - giám sát chính sách, tránh tình trạng “mù giới” khiến chất lượng phân loại - tái chế không ổn định.

(2) Tích hợp khu vực phi chính thức theo hướng chính thức hóa mềm.

Lực lượng thu gom - tái chế (đa số là phụ nữ) cần được tổ chức thành nhóm hoặc hợp tác xã, gắn với cơ chế an sinh, đào tạo nghề và liên kết với hệ thống chính thức để giảm thất thoát vật liệu và tăng hiệu quả KTTH.

(3) Hỗ trợ tài chính, kỹ thuật và công nghệ phù hợp.

Chính sách cần ưu tiên tín dụng vi mô, thiết bị bảo hộ, công nghệ quy mô nhỏ và chia sẻ lợi ích từ EPR nhằm nâng cấp sinh kế và năng lực tái chế của phụ nữ.

(4) Thay đổi nhận thức và thúc đẩy chính sách bao trùm.

Cần xóa bỏ định kiến về lao động thu gom - tái chế và tăng cường tiếng nói của phụ nữ trong tham vấn chính sách, vì đây là yếu tố quyết định duy trì chất lượng phân loại tại nguồn.

Mô hình 5 trụ cột được đề xuất sau đây dựa trên khung KTTH - giới, coi phụ nữ và khu vực phi chính thức như nguồn lực chiến lược của hệ sinh thái tuần hoàn. Tính khác biệt của mô hình nằm ở việc kết hợp chỉ số kép KTTH - giới và cơ chế vận hành cụ thể (HTX phụ nữ, tín dụng vi mô, chính thức hóa mềm), phù hợp để thí điểm ở cấp phường/xã và mở rộng lên quy mô đô thị.

3.7.2. Mô hình 5 trụ cột quản lý CTRSH lồng ghép giới

Mô hình 5 trụ cột được xây dựng trên khung KTTH - giới, coi phụ nữ và khu vực phi chính thức như nguồn lực chiến lược của hệ sinh thái tuần hoàn, thay vì nhóm thụ hưởng thụ động. Điểm mới của mô hình nằm ở việc kết hợp chỉ số kép KTTH - giới với các cơ chế vận hành cụ thể, giúp cải thiện đồng thời hiệu quả thu hồi vật liệu và mức độ bao trùm xã hội.

(1) Lồng ghép giới trong toàn bộ chuỗi giá trị chất thải.

Thiết kế chương trình phân loại - thu gom - tái chế

cần tích hợp mục tiêu và chỉ số giới, bảo đảm phụ nữ có vị trí và tiếng nói trong ra quyết định ở cấp cộng đồng.

(2) Trao quyền và nâng cao năng lực cho phụ nữ.

Tổ chức phụ nữ thành các tổ/nhóm hoặc hợp tác xã, được đào tạo kỹ thuật và quản lý, nhằm chuyển họ từ vai trò “thực hiện” sang tác nhân kiến tạo trong KTTH.

(3) Tích hợp khu vực phi chính thức theo hướng chính thức hóa mềm.

Kết nối lao động thu gom - tái chế (đa số là phụ nữ) với hệ thống chính quy thông qua mã số thu gom, liên kết HTX, hợp đồng dịch vụ và bộ chỉ số kép về hiệu quả tuần hoàn - an sinh.

(4) Hỗ trợ tài chính, kỹ thuật và đổi mới sáng tạo.

Ưu tiên tín dụng vi mô, thiết bị bảo hộ, công nghệ phù hợp quy mô nhỏ và cơ chế chia sẻ lợi ích EPR để nâng cấp năng lực thu hồi vật liệu của phụ nữ.

(5) Thay đổi nhận thức và củng cố chính sách bao trùm.

Giảm định kiến đối với lao động thu gom - tái chế; tăng tiếng nói của phụ nữ trong tham vấn và giám sát chính sách môi trường.

5 trụ cột chính của mô hình được thể hiện qua sơ đồ Hình 1.

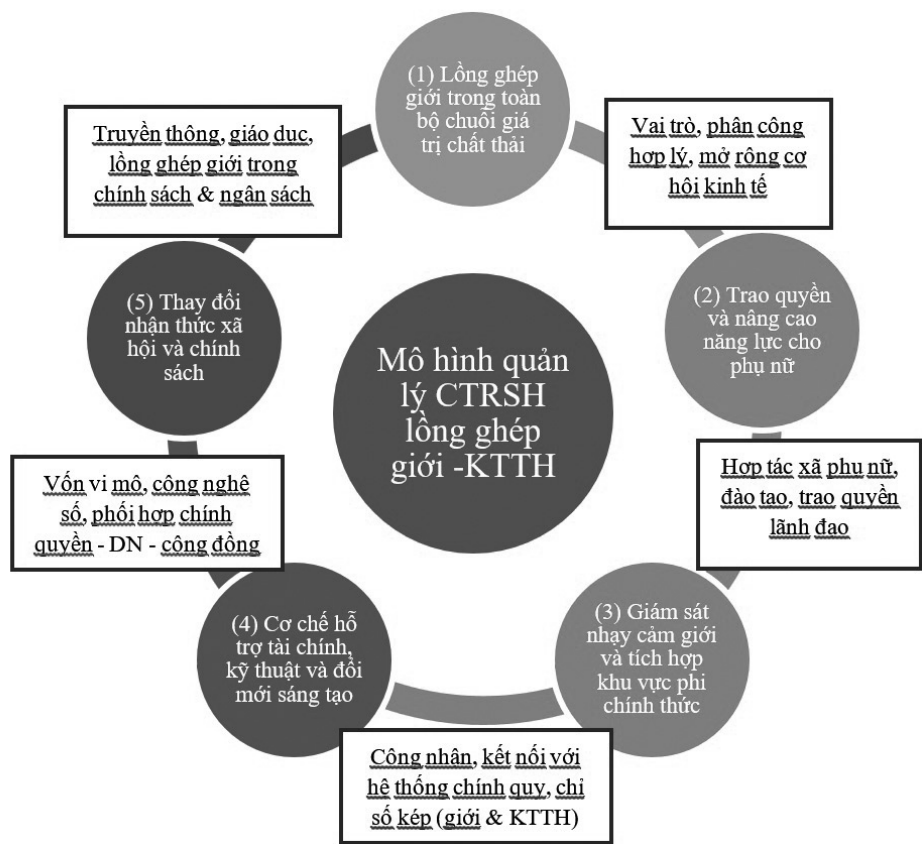
So với các mô hình CTRSH hiện hành, mô hình 5 trụ cột nhấn mạnh vai trò của phụ nữ trong giữ lại giá trị vật liệu và coi họ là động lực của KTTH. Việc kết hợp chỉ số kép KTTH - giới và các cơ chế thực thi cụ thể tạo nên đóng góp khác biệt của nghiên cứu. Mô hình có thể thí điểm ở cấp phường/xã và mở rộng tùy theo điều kiện địa phương, hỗ trợ thực thi Luật BVMT năm 2020 và Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030.

4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu khẳng định phụ nữ, đặc biệt trong khu vực phi chính thức, giữ vai trò trung tâm trong chuỗi phân loại - thu gom - tái chế CTRSH, những mất xích quyết định hiệu quả tuần hoàn đô thị. Phân tích theo khung KTTH - giới cho thấy rào cản thể chế, xã hội và kinh tế đang làm “vô hình hóa” đóng góp của phụ nữ và làm suy giảm hiệu suất thu hồi vật liệu - một yếu tố cốt lõi của hệ sinh thái tuần hoàn.

Đóng góp mới của nghiên cứu là xây dựng cách tiếp cận tích hợp KTTH - giới và đề xuất mô hình 5 trụ cột coi phụ nữ và khu vực phi chính thức như nguồn lực chiến lược, thay vì nhóm thụ hưởng. Mô hình này tạo cơ sở cho việc nâng cao hiệu quả tuần hoàn, mở rộng sinh kế xanh và tăng tính bao trùm của hệ thống CTRSH trong quá trình chuyển đổi sang KTTH tại Việt Nam.

Do hạn chế dữ liệu, nghiên cứu chủ yếu sử dụng phân tích định tính; các nghiên cứu tiếp theo cần khảo sát định lượng phân tách theo giới và đánh giá tác động chính sách theo thời gian để củng cố bằng chứng thực nghiệm■



Hình 1. Mô hình quản lý CTRSH lồng ghép giới - KTTH

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Barford, A., and Ahmad, S. R. (2021), A call for a socially restorative circular economy: Waste pickers in the recycled plastics supply chain. *Circular Economy and Sustainability*, 1(2), 761-782. <https://doi.org/10.1007/s43615-021-00101-7>.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2025), Báo cáo môi trường quốc gia năm 2024.

3. Chính phủ (2021), Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.

4. Chính phủ (2022), Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 về quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT.

5. De Bercegol, R., Cavé, J., và Nguyen, T.H.A. (2017), Waste municipal service and informal recycling sector in fast-growing Asian cities: Co-existence, opposition or integration? *Resources*, 6(4), 70. <https://doi.org/10.3390/resources6040070>.

6. Eisenriegler, S. E. (2020), *The circular economy in the European Union*. Springer. <https://doi.org/10.1007/978-3-030-44814-3>.

7. Lê, P.G. (2024), Nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý CTRSH tại thành phố Hồ Chí Minh.

8. *Economics and Business*, 3(3), 39-47. <https://doi.org/10.57110/jebvn.v3i1.220>.

9. Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh. (2023), *Tiềm năng phát triển nông nghiệp tuần hoàn tại Thành phố Hồ Chí Minh*. Hội thảo Khoa học.

10. Nguyễn, T.C.H., Nguyễn, T.H., và Cường, L. T. (2022), Thực trạng và giải pháp thúc đẩy hoạt động tái chế CTRSH trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh theo tiếp cận KTTH. *Tạp chí Khoa học Đại học Văn Lang*, 32(3), 97-104.

11. Cơ quan Liên hợp quốc về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ. (2016), *Bình đẳng giới và thuế ở Việt Nam: Các vấn đề đặt ra và khuyến nghị*.

12. Phạm, T.T.B., Mai, T.L., và Nguyễn, T.V. (2022), Đánh giá thực trạng và đề xuất mô hình phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình tại huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hồng Đức*, 62, 7-16.

13. Quốc hội. (2020). Luật BVMT số 72/2020/QH14, ban hành ngày 17/11/2020.

14. Velasco, E. (2024). Circular economy in Singapore: Waste management, food and agriculture, energy, and transportation. *Urban Resilience and Sustainability*, 2(2), 110-150. <https://doi.org/10.51300/urs2024.2.2.110>.

15. Wilson, D. C., Velis, C., and Cheeseman, C. (2006). Role of informal sector recycling in waste management in developing countries. *Habitat International*, 30(4), 797-808. <https://doi.org/10.1016/j.habitatint.2005.09.005>.